

DANH SÁCH DỰ KIẾN TỐT NGHIỆP (XÉT LẦN 2)

Số TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại	Ghi chú
1	22810028	Nguyễn Quốc	Vũ		21/05/2002	22LC10DN2	150	7.03	Khá	
2	22810030	Nguyễn Văn	Chiêu		07/03/2001	22LC10SP3	150	7.37	Khá	
3	22810039	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	13/09/2000	22LC10SP3	150	7.43	Khá	
4	22810044	Nguyễn Ngọc	Phú		11/07/2000	22LC10SP3	150	7.18	Khá	
5	22810051	Nguyễn Quốc	Thuận		19/05/1998	22LC10SP3	150	7.20	Khá	
6	22842010	Đặng Thành	Đạt		02/04/1999	22LC42DN2	152	6.78	Khá	
7	19642174	Nguyễn Võ Văn	Trường		18/10/1998	22LC42SP2C	152	6.87	Khá	
8	22642070	Đỗ Khắc	Thịnh		01/10/2001	22LC42SP3C	152	6.88	Khá	
9	22642077	Nguyễn Văn	Vinh		13/10/2001	22LC42SP3C	152	7.27	Khá	
10	22842149	Trần Quang	Tá		03/07/2000	22LC42SP3L	152	6.87	Khá	
11	22842170	Võ Văn	Trung		16/10/2001	22LC42SP3L	152	6.93	Khá	
12	22842171	Lê Trọng	Trường		29/11/2000	22LC42SP3L	152	6.57	Khá	
13	22843025	Nguyễn Thành	Luân		22/09/1997	22LC43DN2	150	7.01	Khá	
14	22843186	Giáp Văn Thành	Trung		15/12/1999	22LC43DN3	150	7.46	Khá	
15	22643015	Trần Huỳnh	Khôi		27/11/1997	22LC43SP2C	150	7.05	Khá	
16	22843082	Trần Thanh	Sang		18/11/1996	22LC43SP2L	150	7.03	Khá	
17	22643043	Phạm Quốc	Đạt		25/10/1999	22LC43SP3C	150	6.99	Khá	
18	22843111	Phạm Thành	Dực		14/11/2000	22LC43SP3L	150	6.83	Khá	
19	22843121	Phạm Anh	Khánh		27/09/2001	22LC43SP3L	150	7.00	Khá	
20	22843214	Châu Kim	Phước		06/09/1998	22LC43SP3L	150	7.22	Khá	
21	22845192	Phạm Duy	Phong		03/12/2001	22LC45LTT3	150	6.82	Khá	
22	22845212	Phạm Thạch	Vũ		16/09/1999	22LC45LTT3	150	7.10	Khá	
23	22845112	Phan Hoài	Phong		12/04/2000	22LC45SP3	150	7.15	Khá	
24	22645020	Lương Hữu	Phước		23/11/2000	22LC45SP3	150	7.06	Khá	
25	22646028	Nguyễn Nhật	Nam		19/05/2000	22LC46SP3C	150	6.57	Khá	
26	22646033	Nguyễn Văn	Nhơn		22/05/1999	22LC46SP3C	150	6.61	Khá	
27	22847062	Trần Minh	Đức		08/05/2003	22LC47DN3	151	6.93	Khá	
28	22847063	Trần Đại	Lâm		06/10/1999	22LC47DN3	151	7.06	Khá	
29	22647015	Nguyễn Trọng	Quân		20/10/2001	22LC47SP3C	150	6.97	Khá	
30	22847002	Trịnh Hoàng	Anh		26/02/2000	22LC47SP3L	150	6.98	Khá	
31	22847037	Lưu Thuận	Phát		04/03/2000	22LC47SP3L	151	6.46	Trung bình	
32	22847054	Trần Thiện	Toại		21/12/1997	22LC47SP3L	150	6.87	Khá	
33	22649001	Trương Đông	Huân		20/04/1996	22LC49SP3	153	6.82	Khá	
34	22849009	Phan Minh	Tiến		05/01/2000	22LC49SP3	153	7.03	Khá	
35	22651018	Nguyễn Viết	Long		12/11/2000	22LC51SP3C	150	6.88	Khá	
36	22861007	Dương Hoàng	Long		20/02/2000	22LC61DN2	150	6.50	Khá	
37	22861047	Lê Bùi Tuấn	Anh		24/02/2003	22LC61DN3	150	6.69	Khá	

Số TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại	Ghi chú
38	22861049	Lê Võ Quốc	Bảo		04/03/2002	22LC61DN3	150	7.14	Khá	
39	22861057	Diệp Trần Đình	Tiến		11/09/2001	22LC61DN3	150	6.77	Khá	
40	23810064	Ngô Quốc	Khánh		02/09/2002	23LC10DN2	150	7.58	Khá	
41	23810069	Hoàng Kim	Lương		01/09/2002	23LC10DN2	150	7.82	Khá	
42	23810072	Võ Thành	Nam		07/10/2001	23LC10DN2	150	7.67	Khá	
43	23810080	Phạm Quang	Trường		11/09/2002	23LC10DN2	150	7.73	Khá	
44	23810084	Võ Hoàng	Bảo		11/08/2003	23LC10LTT2	150	7.39	Khá	
45	23610013	Trương Quang	Huy		27/12/2000	23LC10LTT2	150	8.15	Giỏi	
46	23810093	Võ Ngọc Gia	Phúc		01/01/2003	23LC10LTT2	150	7.14	Khá	
47	23810094	Võ Hữu	Phước		10/09/1994	23LC10LTT2	150	6.84	Khá	
48	23810052	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	13/10/2002	23LC10SP2	150	7.60	Khá	
49	23810053	Đào Thị	Uyên	Nữ	23/10/2002	23LC10SP2	150	7.57	Khá	
50	23825034	Hồ Trần Quỳnh Anh	Thư	Nữ	26/08/2002	23LC25SP2	125	7.71	Khá	
51	23642026	Đoàn Vũ	Bằng		20/01/1993	23LC42COT1	152	7.91	Khá	
52	23842078	Lưu Bá	Khương		19/05/1999	23LC42COT1	152	7.38	Khá	
53	23842237	Nguyễn Phương	Nam		21/06/2001	23LC42DN2	152	6.70	Khá	
54	23842244	Vũ Văn	Quang		02/08/1996	23LC42DN2	152	7.04	Khá	
55	23842249	Từ Duy	Tâm		11/01/2002	23LC42DN2	152	6.35	Trung bình	
56	23842129	Hồ Hoàng	Kiểm		20/08/1997	23LC42DNC1	152	7.03	Khá	
57	23642033	Quý	Lễ		22/02/1994	23LC42DNC1	152	7.30	Khá	
58	23842284	Trần Chính	Lý		19/09/2001	23LC42DNC2	152	7.63	Khá	
59	23842286	Trần Hoàng	Phúc		10/08/2002	23LC42DNC2	152	6.96	Khá	
60	23642077	Kiều Tấn	Dành		26/06/1996	23LC42LTT2	152	7.05	Khá	
61	23842175	Đoàn Xuân	Hải		14/09/2002	23LC42LTT2	152	6.73	Khá	
62	23642080	Nguyễn Văn	Trọng		05/05/1997	23LC42LTT2	152	7.45	Khá	
63	23842299	Lê Trọng	Tú		11/04/2001	23LC42LTT2	152	7.35	Khá	
64	23842300	Nguyễn Quốc	Vỹ		09/10/1992	23LC42LTT2	152	7.11	Khá	
65	23842027	Lê Hải	Phi		19/06/2001	23LC42SP1L	152	6.88	Khá	
66	23842029	Trần Thanh	Sang		17/11/2002	23LC42SP1L	152	6.51	Khá	
67	23842043	Võ Kim	Tuyền		18/10/1997	23LC42SP1L	152	6.90	Khá	
68	23642072	Lê Công	Vũ		02/07/1996	23LC42SP2C	152	7.06	Khá	
69	23842195	Lâm Văn	Nhân		05/05/2000	23LC42SP2L	152	6.60	Khá	
70	23842202	Trương Tấn	Sang		14/01/1999	23LC42SP2L	152	6.18	Trung bình	
71	23643062	Nguyễn Công	Hậu		16/04/1998	23LC43COT2	150	7.12	Khá	
72	23843075	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	04/05/2000	23LC43DN2	150	7.96	Khá	
73	23843149	Nguyễn Trần Anh	Huy		10/07/2003	23LC43LTT2	150	7.38	Khá	
74	23843152	Hoàng Ngọc	Nhất		22/10/2001	23LC43LTT2	150	7.23	Khá	

Số TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại	Ghi chú
75	23843155	Nguyễn Đình	Quý		17/09/2003	23LC43LTT2	150	7.61	Khá	
76	23843001	Lê Quốc	Bảo		04/07/2000	23LC43SP1	150	7.30	Khá	
77	23643009	Nguyễn Công	Khanh		17/08/1995	23LC43SP1	150	7.07	Khá	
78	23643031	Huỳnh Văn	Hiếu		08/02/1993	23LC43SP2C	150	7.97	Khá	
79	23843058	Nguyễn Kế Anh	Tĩnh		06/01/2002	23LC43SP2L	150	7.51	Khá	
80	23843061	Võ Văn	Trãi		10/05/2001	23LC43SP2L	150	7.69	Khá	
81	23845055	Trần Dương	Nam		03/09/2000	23LC45COT1	150	7.13	Khá	
82	23845058	Nguyễn Văn	Sơn		10/02/2000	23LC45COT1	150	7.06	Khá	
83	23845063	Phan Văn	Trường		20/04/2000	23LC45COT1	150	7.28	Khá	
84	23845076	Vũ Cao	Luyện		05/10/2000	23LC45KH1	150	7.10	Khá	
85	23845003	Trần Văn	Đạt		20/07/2001	23LC45SP1	150	6.54	Khá	
86	23845013	Lê Quốc	Hung		03/01/2003	23LC45SP1	150	6.63	Khá	
87	23845029	Hoàng Minh	Quý		12/01/1999	23LC45SP1	150	6.70	Khá	
88	23845028	Trần Phú	Quý		24/12/2002	23LC45SP1	150	6.64	Khá	
89	23845041	Nguyễn Đỗ Thành	Triết		20/01/2002	23LC45SP1	150	6.85	Khá	
90	23845042	Tô Thanh	Tùng		01/08/2002	23LC45SP1	150	6.77	Khá	
91	23645014	Đình Quốc	Vinh		22/12/1999	23LC45SP1	150	6.98	Khá	
92	23645030	Lê Trần Quang	Khang		27/04/2002	23LC45SP2C	150	7.20	Khá	
93	23645039	Huỳnh Nguyễn Duy	Minh		05/04/2002	23LC45SP2C	150	7.56	Khá	
94	23645043	Dương Quang Hồng	Phúc		18/11/2002	23LC45SP2C	150	7.17	Khá	
95	23645045	Trần Hoài	Sơn		18/10/2002	23LC45SP2C	150	7.80	Khá	
96	23645046	Nguyễn Tấn	Tài		14/02/2002	23LC45SP2C	150	7.50	Khá	
97	23645056	Nguyễn Thanh	Tú		10/12/1996	23LC45SP2C	150	7.26	Khá	
98	23845099	Huỳnh Anh	Duy		11/01/2001	23LC45SP2L	150	6.80	Khá	
99	23845104	Trần Văn	Hậu		29/03/2001	23LC45SP2L	150	7.06	Khá	
100	23845130	Nguyễn Hữu	Quý		20/05/2002	23LC45SP2L	150	6.97	Khá	
101	23846002	Nguyễn Diên Phương	Đông		27/04/2002	23LC46SP1	151	7.12	Khá	
102	23646009	Đỗ Ngọc	Quý		04/12/1998	23LC46SP1	150	6.52	Khá	
103	23649005	Nguyễn Quốc	Hung		22/02/1990	23LC49SP2	153	7.30	Khá	
104	23849030	Nguyễn Hữu	Nhân		16/11/2001	23LC49SP2	153	6.93	Khá	
105	23849031	Trần Thanh	Phong		02/08/2000	23LC49SP2	153	7.61	Khá	
106	23649008	Nguyễn Việt	Quý		25/01/1994	23LC49SP2	153	7.40	Khá	
107	23851014	Huỳnh Tấn	Hưng		06/03/2002	23LC51SP2	150	8.16	Giỏi	
108	23651026	Trần Trọng	Nhân		23/11/2002	23LC51SP2	150	7.37	Khá	
109	23651032	Mai Công	Toàn		18/03/2000	23LC51SP2	150	7.29	Khá	
110	23861044	Nguyễn Đỗ	Phúc		25/11/2003	23LC61DN2	150	7.36	Khá	
111	23861047	Phạm Trần Minh	Tuấn		19/10/2003	23LC61DN2	150	6.80	Khá	

Số TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TBTL	Xếp loại	Ghi chú
112	23661016	Đỗ Minh	Tiến		11/08/1997	23LC61SP1	150	6.93	Khá	
113	23661035	Hồ Chí	Nguyên		10/11/2002	23LC61SP2C	150	7.04	Khá	
114	23661037	Hà Văn	Sơn		10/04/2000	23LC61SP2C	150	7.17	Khá	
115	23861030	Huỳnh Thị Quế	Trâm	Nữ	26/01/2000	23LC61SP2L	150	7.15	Khá	

Tổng cộng: 115SV./.